TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2019
"V/v tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đức Nghiệp;
- Ông Nguyễn Đình La.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc *"Tranh chấp đòi tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1961 (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh 1963; đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1961 (có mặt)

Đều cư trú tại: Thôn L, xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: - Ông Lê Văn H, sinh năm 1952 (có mặt).
- Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1953; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, sinh năm 1952 (có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn L, xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ (do ông Phạm Văn Ch là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Do có mối quan hệ là người cùng thôn quen biết với nhau nên ngày 10/10/2017 ông bà có cho vợ chồng ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh vay số tiền là 550.000.000đ, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày 10/10/2017 đến ngày 10/10/2019, lãi suất là 1,5%/1 tháng. Khi vay ông H và bà Nh có viết giấy biên nhận và cùng nhau ký vào Hợp đồng vay nợ và giấy nhận nợ ngày 10/10/2017.

Trong quá trình vay nợ ông bà H, Nhđã thanh toán cho ông bà được một khoản tiền lãi tính đến ngày 10/4/2018 theo thỏa thuận là 49.500.000đ. Tuy nhiên từ ngày 11/4/2018 đến nay vợ chồng ông Nh, bà H không thanh toán thêm bất kỳ một khoản nợ gốc, lãi nào cho ông bà. Rất nhiều lần ông bà đòi nợ nhưng vợ chồng ông Nh, bà H đều khất lần và không thanh toán trả nợ. Nay quan điểm của ông Ch và bà Đ yêu cầu ông H và bà Nh phải thanh toán trả nợ cho ông bà tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ (trong đó nợ gốc là: 550.000.000đ, tiền lãi là 14 tháng x 1,5%/tháng = 115.500.000đ và số tiền lãi chậm thực hiện là 115.500.000đ). Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/6/2019 trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh (do ông H là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Do có mối quan hệ là hàng xóm với nhau nên ngày 10/10/2017 ông và bà Nh có vay của vợ chồng ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 550.000.000đ với lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ông và bà Nh đã nhận đủ số tiền vay là 550.000.000đ và trực tiếp ký vào Hợp đồng và giấy biên nhận vay tiền ngày 10/10/2017 như ông Ch trình bày là đúng.

Trong quá trình vay nợ, ông bà đã trả được một khoản nợ lãi tính đến ngày 10/4/2018 là 49.500.000đ, sau đó kể từ ngày 11/4/2018 do kinh tế gặp khó khăn nên không có tiền để thanh toán cho ông Ch bà Đ số nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 10/6/2019 ông bà xác định còn nợ vợ chồng ông Ch bà Đ số tiền nợ gốc là: 550.000.000đ và toàn bộ số tiền nợ lãi đúng như tính toán của ông Ch và bà Đ tổng số nợ lãi là 231.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 781.000.000đ.

Nay ông Ch bà Đ khởi kiện yêu cầu ông bà phải thanh toán trả nợ toàn bộ số nợ trên. Quan điểm của ông bà đồng ý trả nợ toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ (trong đó nợ gốc là: 550.000.000đ, tiền lãi là 231.000.000đ). Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn chưa có tiền để trả nợ ngay nên đề nghị ông Ch, bà Đ cho vợ chồng ông bà được trả nợ dần cụ thể phương án trả nợ từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/12/2019 thanh toán trả nợ xong toàn bộ cả gốc và lãi.

Tại phiên tòa ông Ch xác định ông H rất nhiều lần cam kết trả nợ nhưng đều không thực hiện được như đã cam kết, đến nay ông H và bà Nh chưa thanh toán trả nợ cho ông và bà Đ một khoản tiền gì, do đó ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H và bà Nh phải trả nợ cho ông và bà Đ toàn bộ số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ như đã trình bày trên. Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/6/2019 trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán trả nợ xong số tiền nợ gốc, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự

Tại phiên tòa ông Lê Văn H đồng ý trả nợ cho ông Ch và bà Đ tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ và toàn bộ tiền lãi phát sinh như yêu cầu của ông Ch, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên chưa có để thanh toán trả nợ, ông đề nghị được trả nợ dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Việc vay nợ giữa ông Phạm Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn H, bà Trần Thị Nh thực hiện giữa cá nhân với cá nhân, được ký kết bằng giấy biên nhận nợ nên đây là vụ án dân sự "Tranh chấp đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tài sản giữa các bên phát sinh phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2017, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, xét thấy: Do có mối quan hệ quen biết ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ đã cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh vay tổng số tiền 550.000.000đ được thể hiện tại Hợp đồng vay nợ và giấy biên nhận nợ ngày 10/10/2017, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Quá trình vay nợ ông H và bà Nh đã trả được một khoản nợ lãi tính đến ngày 10/4/2018 là 49.500.000đ, sau đó kể từ ngày 11/4/2018 do kinh tế gặp khó khăn nên ông H và bà Nh không có tiền để thanh toán cho ông Ch bà Đ số nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 10/6/2019 ông H và bà Nh còn nợ vợ chồng ông Ch bà Đ số tiền là 781.000.000đ (trong đó nợ gốc là: 550.000.000đ; tiền lãi là 231.000.000đ). Đến nay ông Ch và bà Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông H và bà Nh phải thanh toán trả nợ tổng số tiền là 781.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn H đã xác nhận vợ chồng ông còn nợ ông Ch và bà Đ tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ (trong đó nợ gốc là: 550.000.000đ; tiền lãi là 231.000.000đ), ông bà đồng ý thanh toán trả nợ toàn bộ số tiền trên và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của ông Ch, bà Đ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà đề nghị được trả nợ dần.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận về số tiền vay nợ, phía ông H đồng ý thanh toán trả nợ tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ (trong đó nợ gốc là: 550.000.000đ; tiền lãi là 231.000.000đ) cho ông Ch và bà Đ, nhưng các bên đương sự không thống nhất được về thời gian thanh toán trả nợ. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh phải

thanh toán trả nợ cho Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ (trong đó tiền nợ gốc là: 550.000.000đ; tiền lãi là 231.000.000đ).

[5] Về lãi suất suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/6/2019 trên số nợ gốc còn nợ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự, đề nghị này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh phải chịu án phí theo giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện là: 781.000.000đ = 20.000.000đ + (4% x 381.000.000đ) = 35.240.000đ.

Ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.620.000đ theo biên lai số AA/2017/0002765 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2019 là 781.000.000đ *(Bảy trăm tám mươi mốt triệu đồng)* (trong đó tiền nợ gốc là: 550.000.000đ; tiền lãi là 231.000.000đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả trên số dư nợ gốc còn nợ tính từ ngày 11/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.240.000đ. *(ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại ông Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.620.000đ theo biên lai số AA/2017/0002765 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Dung